

Số: /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho trẻ em, học sinh phổ thông hưởng chính sách hỗ trợ học phí học kỳ I năm học 2022 – 2023 theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị quyết số 65/2021/NĐ-HĐND ngày 19/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021 – 2022 đến năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020;

Căn cứ Hướng dẫn số 3135/HD-SGDĐT ngày 31/10/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022;

Căn cứ kết quả của Tổ thẩm định hồ sơ được thành lập theo Quyết định số 1770/QĐ-SGDĐT ngày 08/11/2022 về thẩm định hồ sơ hỗ trợ chế độ, chính sách cho học sinh và học viên các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí cho trẻ em, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023 hưởng chính sách hỗ trợ học phí học kỳ I, năm học 2022 – 2023 quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm:

1. Hỗ trợ học phí cho 49.448 trẻ em, học sinh đang học tại 58 trường có cấp THPT trên địa bàn tỉnh, tổng số kinh phí là: 52.359.750.000 đồng;

2. Hỗ trợ học phí cho 135 học viên đang học Trung tâm Hướng nghiệp và Giáo dục Thường xuyên tỉnh, tổng số kinh phí là: 158.400.000 đồng;

3. Hỗ trợ học phí cho 392 trẻ em, học sinh đang học tại trường Thực hành Sư phạm thuộc trường Đại học Hạ Long, tổng số kinh phí là: 470.400.000 đồng;

Tổng số trẻ em, học sinh, học viên được thụ hưởng là 49.975 em. Tổng số kinh phí hỗ trợ là 52.988.550.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi hai tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Hạ Long tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đúng các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính. Thủ trưởng các cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin trong danh sách đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ của đơn vị theo quy định. Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm hậu kiểm khi các đơn vị thực hiện xong việc hỗ trợ học phí cho đối tượng thụ hưởng.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Hạ Long, các đối tượng thụ hưởng tại các cơ sở giáo dục có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTC₀₃.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thúy

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Mẫu số 02

TỔNG HỢP KINH PHÍ

Đề nghị hỗ trợ học phí học kỳ I Năm học 2022 - 2023 Theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

TT	Tên cơ sở giáo dục	Tổng số đối tượng hưởng hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
I	NGOÀI CÔNG LẬP	18.407			21.319.650.000	
1	Trường TH - THCS - THPT Chu Văn An	1.260	4	300.000	1.512.000.000	
		2	2	300.000	1.200.000	Chuyển đến tháng 11/2022
2	Trường TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm	1.131	4	300.000	1.357.200.000	
		2	3	300.000	1.800.000	
		11	2	300.000	6.600.000	
		3	1,5	300.000	1.350.000	
		5	1	300.000	1.500.000	
		2	0,5	300.000	300.000	
3	Trường THPT Hạ Long	435	4	300.000	522.000.000	
4	Trường THPT Hồng Đức	977	4	300.000	1.172.400.000	
5	Trường THPT Hùng Vương	632	4	300.000	758.400.000	
		3	2	300.000	1.800.000	(1 hs mất, 2hs chuyển đến)
6	Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	1.121	4	300.000	1.345.200.000	
		2	3	300.000	1.800.000	
		5	2	300.000	3.000.000	
		2	1	300.000	600.000	
7	Trường THPT Lương Thế Vinh	1.894	4	300.000	2.272.800.000	
		1	1	300.000	300.000	Chuyển trường từ tháng 10/2022
8	Trường THPT Ngô Gia Tự	679	4	200.000	543.200.000	
9	Trường THPT Nguyễn Bình	715	4	200.000	572.000.000	
10	Trường TH, THCS, THPT Nguyễn Bình Khiêm	3.340	4	300.000	4.008.000.000	
11	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	463	4	300.000	555.600.000	
12	Trường THPT Nguyễn Trãi	228	4	200.000	182.400.000	
13	Trường liên cấp Quốc tế Singapore	120	4	300.000	144.000.000	
14	Trường THPT Thống Nhất	48	4	300.000	57.600.000	
15	Trường THPT Trần Hưng Đạo	143	4	300.000	171.600.000	
16	Trường THPT Trần Nhân Tông	951	4	300.000	1.141.200.000	
17	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	506	4	300.000	607.200.000	
18	Trường Tiểu học, THCS và THPT Quốc tế Song ngữ Học viện Anh Quốc UK - Academy	307	4	300.000	368.400.000	
		2	2	300.000	1.200.000	Chuyển đến T11/2022

19	Trường TH,THCS và THPT Văn Lang	1	1	300.000	300.000	
		1	2	300.000	600.000	
		1	3	300.000	900.000	
		2.090	4	300.000	2.508.000.000	
20	Trường TH,THCS&THPT Yên Hưng	1.095	4	300.000	1.314.000.000	
21	Trường THPT Nguyễn Du	229	4	200.000	183.200.000	
II	CÔNG LẬP	31.176			31.198.500.000	
1	Trường THPT Ba Chẽ	567	4	200.000	453.600.000	
2	Trường THPT Bạch Đằng	1.141	4	300.000	1.369.200.000	
3	Trường THPT Bãi Cháy	1.309	4	300.000	1.570.800.000	
4	Trường THPT Bình Liêu	489	4	100.000	195.600.000	
5	Trường THPT Cẩm Phả	1.428	4	300.000	1.713.600.000	
		16	3	300.000	14.400.000	16 Học sinh chuyển đến từ tháng 10
6	Trường THPT Chuyên Hạ Long	1.393	4	300.000	1.671.600.000	
7	Trường THPT Cô Tô	245	4	200.000	196.000.000	
8	Trường THPT Cửa Ông	598	4	300.000	717.600.000	
		1	3	300.000	900.000	Học sinh chuyển đến
		2	1	300.000	600.000	Học sinh chuyển trường
9	Trường THPT Đầm Hà	883	4	100.000	353.200.000	
10	Trường THPT Đông Thành	754	4	300.000	904.800.000	
11	Trường THPT Đông Triều	1.101	4	300.000	1.321.200.000	
12	Trường PTDTNT tỉnh	341	4	300.000	409.200.000	
13	Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương	321	4	100.000	128.400.000	
		367	4	200.000	293.600.000	
		1	3	200.000	600.000	
14	Trường THPT Hải Đảo	1.096	4	200.000	876.800.000	
		1	2	200.000	400.000	Chuyển đến T11/2022
15	Trường THPT Hải Đông	412	4	50.000	82.400.000	
		367	4	100.000	146.800.000	
16	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	814	4	300.000	976.800.000	
17	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	1.058	4	300.000	1.269.600.000	
		1	2	300.000	600.000	Chuyển trường ngày 14/10/2022
		3	1	300.000	900.000	Chuyển trường từ 04/10/2022
18	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	742	4	300.000	890.400.000	
19	Trường THPT Hoàng Bô	895	4	300.000	1.074.000.000	
20	Trường THCS, THPT Hoàng Mô	346	4	50.000	69.200.000	

		324	4	100.000	129.600.000	
21	Trường THPT Hòn Gai	1.944	4	300.000	2.332.800.000	
		1	3	300.000	900.000	Chuyển đến từ T10/2022
22	Trường THPT Lê Chân	884	4	200.000	707.200.000	
		1	1	200.000	200.000	1 Học sinh chuyển đi từ tháng 10
		1	3	200.000	600.000	1 học sinh chuyển đến từ tháng 10
		2	2	200.000	800.000	2 Học sinh chuyển đến từ tháng 11
23	Trường THPT Lê Hồng Phong	634	4	300.000	760.800.000	
24	Trường THPT Lê Quý Đôn	762	4	300.000	914.400.000	
		2	2	300.000	1.200.000	2 học sinh chuyển trường
25	Trường THPT Lý Thường Kiệt	617	4	200.000	493.600.000	
26	Trường THPT Minh Hà	1.102	4	200.000	881.600.000	
27	Trường THPT Mông Dương	618	4	300.000	741.600.000	
28	Trường THPT Ngô Quyền	909	4	300.000	1.090.800.000	
		1	2	300.000	600.000	Chuyển trường từ 11/2022
29	Trường PTDTNT Tiên Yên	445	4	200.000	356.000.000	
30	Trường THPT Quan Lạn	197	4	100.000	78.800.000	2 học sinh nghỉ học
		153	4	200.000	122.400.000	
31	Trường THPT Quảng Hà	1.014	4	200.000	811.200.000	
32	Trường THPT Quảng La	226	4	50.000	45.200.000	
		363	4	100.000	145.200.000	
33	Trường THPT Tiên Yên	641	4	200.000	512.800.000	
		1	3	200.000	600.000	(1 học sinh chuyển đến từ T10)
34	Trường THPT Trần Phú	1.384	4	300.000	1.660.800.000	
35	Trung tâm HN&GDTX tỉnh	130	4	300.000	156.000.000	
		3	2	300.000	1.800.000	Chuyển trường, chuyển hộ khẩu
		2	1	300.000	600.000	Chuyển trường, chuyển hộ khẩu
36	Trường THPT Uông Bí	1.371	4	300.000	1.645.200.000	
37	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	752	4	300.000	902.400.000	
III	Đại học Hạ Long	392	4	300.000	470.400.000	
	Tổng cộng	49.975			52.988.550.000	

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ là: 52988550000 đồng. Bằng chữ: Năm mươi hai tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)